

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022, về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22A ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu dân cư số PS, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư số PS, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu dân cư số PS, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Trần Thị C- sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khu dân cư số PS, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh V và chị Cao Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường P ngày

18/6/2016. Sau khi cưới chị H lại đi lao động tại Hàn Quốc, đến tháng 01/2020 thì bảo lãnh cho anh V cùng sang Hàn Quốc. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt và tình hình dịch bệnh nên đến tháng 3/2022 anh V phải về nước trước còn chị H về nước sau đó. Khi về nước hai vợ chồng cũng không sống chung nhà, không ai quan tâm đến ai sống ly thân đến nay. Trước đó vợ chồng đều đã qua một lần có vợ và có chồng, có con riêng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn V xin ly hôn với chị Cao Thị H. Khi làm thủ tục ly hôn và hòa giải tại Tòa án chị H biết và đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc nên không thể hòa giải được, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì chị H lại bỏ đi, giấu địa chỉ cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về con chung: Không có, không phải giải quyết. Thực tế anh V và chị H đều có con riêng với chồng với vợ cũ nhưng không phải giải quyết trong vụ án này.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H cố tình giấu địa chỉ, không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên anh V có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử và khi xét xử anh xin được vắng mặt.

Bị đơn chị Cao Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm và ý kiến đối với vụ án nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Theo Công văn số 19278/QLXNC-P5 ngày 20/9/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an: Xác định chị Cao Thị H- sinh ngày 14/08/1974 sử dụng hộ chiếu số N2392359 xuất cảnh ngày 14/8/2022 qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Chính quyền địa phương khu PS, phường P đều xác định: anh Nguyễn Văn V và chị Cao Thị H đăng ký kết hôn tại UBND phường P ngày 18/6/2016, đăng ký hộ khẩu ở khu PS nhưng thực tế anh V thì sống ở nhà riêng tại khu 9- PS. Vợ chồng đăng ký kết hôn xong thì đi làm ăn và đi lao động tại nước ngoài, ít khi có mặt tại địa phương.

Người làm chứng bà Trần Thị C (mẹ đẻ chị H, mẹ vợ anh V) trình bày: Anh V và chị H đều được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường P ngày 18/6/2016. Sau khi cưới anh V và chị H cùng nhau đi làm ăn xa và do cả hai đều đã qua một lần có chồng có vợ nên hạnh phúc gia đình không được phù hợp dẫn đến mâu thuẫn.

Việc ly hôn là quyền của chị H và anh V. Thực tế bà thấy vợ chồng anh V chị H không có tình cảm với nhau, vợ chồng đều cao tuổi và đều đã qua một lần vợ chồng, có con và nhà ở riêng, khi mâu thuẫn xảy ra cuối tháng 7/2022 chị H đã cùng ký đơn đồng ý ly hôn anh V.

Vợ chồng chị H anh V không có con chung. Nhà đất của mỗi người riêng, không sống chung với nhau.

Chị H sống chung nhà với con trai của chồng trước, nhà đất liền với gia đình bà. Hiện chị H đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, thỉnh thoảng gọi điện về. Tòa án yêu cầu bà nhận thay các văn bản tố tụng cho chị H nhưng bà từ chối, bà sẽ thông báo khi chị H liên lạc về cho bà qua điện thoại.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn chị Cao Thị H vắng mặt không lý do.

Người làm chứng bà C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị anh Nguyễn Văn V ly hôn chị Cao Thị H. Về quan hệ con chung, công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn V chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn chị Cao Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu 7-PS, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án còn đang cư trú tại Việt Nam, đến ngày 14/8/2022 mới xuất cảnh ra nước ngoài nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn chị Cao Thị H vắng mặt tại nơi cư trú xuất cảnh đi nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; người thân thích đã được yêu cầu nhưng không cung cấp địa chỉ, không nhận thay các văn bản tố tụng nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng bà Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại hồ sơ. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Cao Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường P ngày 18/6/2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh V chị H thấy rằng: Vợ chồng kết hôn năm 2016, trên cơ sở tự nguyện nhưng thực tế hai bên đều đã qua một lần vợ, chồng và có con riêng, nhà đất và tài sản riêng, không sống chung nhau cả khi đi lao động ở nước ngoài cũng như khi về nước. Khi mâu thuẫn xảy ra và anh V có làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì chị H đã đồng ý nhưng không đến Tòa án làm việc và bỏ đi làm ăn xa, cố ý giấu địa chỉ. Quan hệ hôn nhân giữa anh V với chị H không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn V xin ly hôn với chị Cao Thị H.

[4] Về con chung: Không có nên không phải giải quyết.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều

238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn V ly hôn chị Cao Thị H.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003077 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường P (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Bách